TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14-AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Châu Thanh Nguyên

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Trường là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang***: Bà Bùi Thị Thái Hoà, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 625/TB-TA ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 481/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chau Ca Đ, sinh năm 1976 (xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã A, tỉnh An Giang; Số CCCD: 089076023847

2. Bị đơn: Neàng Sóc N, sinh năm 1979 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ F, ấp V, xã A, tỉnh An Giang; Số CCCD: 089179013838

3.Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Kim S, sinh năm 1964 (có mặt)*;* địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chau Ca Đ trình bày:

Ông Đ và bà N có thời gian quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới về chung sống từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 1998 thì phát sinh

mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, đôi bên thường xuyên cãi nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, dù hai bên đã nổ lực hàn gắn nhưng không thành, hiện tại không còn tình cảm ông Đ yêu cầu không công nhận ông Đ và bà N là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đến ngày 01/6/2026 ông Chau Ca Đ cung cấp Giấy trích lục kết hôn nên thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Neàng Sóc Na vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, không ghi nhận được ý kiến trình bày, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-An Giang phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 1998, đến cuối năm 1998 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, ông Đ khởi kiện ly hôn; mâu thuẫn giữa ông Đ và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03 tháng 11 năm 2025 ông Chau Ca Đ có đơn yêu cầu ly hôn với bà Neàng Sóc N và bà Na cư T tại xã A, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 12/6/2026 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 481/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do, riêng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Đ và bà N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 02/3/1998 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa ông Đ và bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, ông Đ yêu cầu ly hôn. Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng Toà án đã tạo điều kiện hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N liên tục vắng mặt suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Xét về mâu thuẫn từ cuối năm 1998 ông Đ và bà N đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, các bên đã ly thân cho đến nay bỏ mặc nhau tự sống, không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau điều này phù hợp với kết quả Biên bản xác minh ngày 22/01/2026. Do đó, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ là có căn cứ.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Ông Chau Ca Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Chau Ca Đ. Ông Chau Ca Đ được ly hôn với bà Neàng Sóc N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 02/3/1998 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang) không còn giá trị pháp lý.

Về án phí sơ thẩm:

Ông Chau Ca Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007221 ngày 03-11-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Chau Ca Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 14-An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã An Cư
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thanh Nguyên Nguyễn Thanh Tùng **Lưu Thị Hừng**